TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 02 - 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Công Hòa.
Bà Lê Thị Kiều Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 410/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1978;

- Bị đơn: Ông Mai V, sinh năm 1972;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 08, đường số 10, tổ 2, thôn 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Nh trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1998, bà cùng ông Mai V đã kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 01/1998, ngày 05/01/1998.

Trong thời gian vợ chồng sống chung với nhau thì xãy ra nhiều mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau nên thường xãy ra va chạm, cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Từ đó, bà Nh xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên bà làm đơn đến Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Mai V.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Mai Ánh Vy V, sinh ngày 27/3/1999; và Mai Anh T, sinh ngày 08/10/2000.

Nay, về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Mai V trình bày:

Ông V có nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho ông do bà Nh nhận thay và do bưu điện chuyển đến. Ông biết việc Tòa án thụ lý vụ án và mời ông tham gia phiên họp và hòa giải, tuy nhiên vì ông không thể sắp xếp được thời gian để đến Tòa tham gia giải quyết vụ án.

Ông V và bà Trần Thị Nh tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn ông bà làm nhà ở riêng và sinh sống tại tổ 2, thôn 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông làm công tác tại Tổ tự quản của tổ 2, thôn 6, xã M nên thường xuyên đi làm công tác xã hội. Từ đó vợ ông là bà Trần Thị Nh phát sinh vấn đề ghen tuông, trách móc, nặng lời. Đối với ông đã nhiều lần giải thích, động viên và hòa giải nhưng bà Nh nhất quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Mai Ánh Vy V, sinh ngày 27/3/1999; và Mai Anh T, sinh ngày 08/10/2000.

Nay, về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho bà Trần Thị Nh ly hôn với ông Mai V.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1998, bà Trần Thị Nh cùng ông Mai V đã kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 01/1998, ngày 05/01/1998. Trong thời gian vợ chồng sống chung với nhau thì xãy ra nhiều mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau nên thường xãy ra va chạm, cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Từ đó, bà Nh xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên bà làm đơn đến Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Mai V.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho bà Trần Thị Nh ly hôn với ông Mai là phù hợp.

[2.2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nh phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Nh ly hôn ông Mai V.

2. Về án phí DSST: Bà Trần Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do bà Nh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012429 ngày 03 tháng 10 năm 2022. Bà Trần Thị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *Chi cục THA huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mê Pu;*
- *TAND tỉnh;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý